

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 3 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhật Quang
2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Công – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1038/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Kim P, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: khu phố C, phường C1, thành phố T1, tỉnh B, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Minh T, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Ấp Bình Ninh, xã N, huyện T2, tỉnh V; tạm trú: ấp A, xã A1, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2022 và bản tự khai ngày 18/8/2022, nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim P trình bày:

Bà Đoàn Thị Kim P và ông Võ Minh T tự nguyện sống chung từ năm 2018 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C1, thành phố T1, tỉnh B ngày 15/01/2020.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2020 thì mâu thuẫn xảy ra thường xuyên, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên giải quyết vấn đề gì cũng trở nên khó khăn, thường xảy ra tranh cãi không thể giải hòa. Mặc dù đã cố gắng nhiều cách nhưng mâu thuẫn vẫn dai dẳng, cuộc sống ngột ngạt, vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc nên từ tháng 5 năm 2021, bà P và ông T đã sống ly thân với nhau. Trong thời

gian sống ly thân, giữa bà P và ông T không còn quan hệ vợ chồng, cả hai chỉ liên lạc với nhau về vấn đề con chung. Hiện nay, bà P xác định không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P ly hôn với ông Võ Minh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà P và ông Võ Minh T có 01 người con tên Võ Minh K, sinh ngày 06/10/2020. Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

Về cấp dưỡng nuôi con: bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản chứng thực Chứng minh nhân dân, Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh và các tài liệu khác có liên quan đến hồ sơ vụ án.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Võ Minh T trình bày:

ông T thống nhất với lời trình bày của bà Đoàn Thị Kim P về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn về con chung và về mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, trước yêu cầu của bà Đoàn Thị Kim P thì bị đơn có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Minh T đồng ý ly hôn với bà Đoàn Thị Kim P.

Về vấn đề con chung: Ông Võ Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho ông T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông T không yêu cầu bà Đoàn Thị Kim P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: ông T không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn, nuôi con, không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Bị đơn đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giao con cho bị đơn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Đoàn Thị Kim P và ông Võ Minh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C1, thành phố T1, tỉnh B. Nay bà Đoàn Thị Kim P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Võ Minh T đồng thời giải quyết về vấn đề con chung. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Võ Minh T hiện cư trú tại xã An Sơn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Kim P và ông Võ Minh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim P cho rằng từ năm 2020, bà P và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về suy nghĩ và quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 5 năm 2021 thì bà P và ông T sống ly thân, từ đó đến nay hai bên không còn quan hệ tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình tố tụng, Tòa án nhiều lần hòa giải để hai bên đoàn tụ nhưng bà P và ông T xác định tình cảm không còn nên cả hai thống nhất ly hôn. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà P và ông T.

[2.3] Về con chung: ông T và bà P cùng thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân, bà P và ông T có 01 người con chung tên Võ Minh K, sinh ngày 06/10/2020. bà P và ông T tranh chấp về quyền được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình tố tụng, ông T thừa nhận từ khi sinh ra cho đến hiện tại con chung sống cùng với bà P. Khi ông T và bà P ly thân thì con chung vẫn sống chung, ổn định với bà P. ông T chỉ thỉnh thoảng đến thăm con. Từ khi bà P gửi đơn khởi kiện đến Tòa án cho đến khi xét xử thì ông T không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. bà P từ trước đến nay làm kế toán doanh nghiệp, có công việc, có thu nhập và có nhà ở ổn định. Bên cạnh đó, con chung cho đến thời điểm hiện tại chưa đủ 3 tuổi nên việc giao con cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho con chung.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà P, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 3, Điều 144; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim P đối với bị đơn ông Võ Minh T về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Võ Minh T và bà Đoàn Thị Kim P.

- Về con chung: Bà Đoàn Thị Kim P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Minh K, sinh ngày 06/10/2020.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị Kim P về việc không yêu cầu ông Võ Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0000508 ngày 04/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tp. Thuận An;
- Chi cục THADS TP. Thuận An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng Tư pháp tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Tố Uyên